

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Châu

Ông Trần Hoài Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1993; cư trú tại đội 10, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Minh Th – sinh năm 1992; cư trú tại số 584-0024 O, 4 C, T, O (203) Japan.

(Chị T, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn ly hôn đơn phương đề ngày 05/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/11/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Chị và anh Vũ Minh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131/2019 vào ngày 21/12/2019, nhưng chưa tổ chức lễ cưới vì gia đình anh Th theo

đạo và yêu cầu chị phải theo đạo, nhưng chị không đồng ý. Từ khi chị và anh Th kết hôn đến nay, chị ở Việt Nam, anh Th ở Nhật Bản, hai người chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại, chưa sống chung với nhau như vợ chồng, nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại Đơn trình bày, bị đơn là anh Vũ Minh Th trình bày:* Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Kim T về quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh và chị T không sống chung với nhau mà chỉ đi chơi với nhau một thời gian ngắn thì anh trở lại Nhật Bản làm việc. Do khoảng cách địa lý quá xa, anh và chị T không có điều kiện gặp nhau để quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, nên tình cảm ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 48, 51, 196, 199, 203, 210, 470, 474 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về xác định tư cách người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng.*

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 178, 179, 474, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Vũ Minh Th. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Vũ Minh Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Vũ Minh Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2019, nên hôn nhân của chị T và anh Th là hợp pháp.

Chị T và anh Th đều thừa nhận sau khi kết hôn anh, chị không chung sống với nhau; anh Th sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, còn chị T sinh sống, làm việc tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý quá xa, mỗi người sinh sống, làm việc ở mỗi nơi, không chung sống với nhau nên ít có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau; tình cảm vợ chồng ngày phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn, anh Th đồng ý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Th.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Vũ Minh Th đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 1.980.000 đồng, chị T tự nguyện chịu, chị T đã nộp và chi phí xong.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Vũ Minh Th.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Vũ Minh Th trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số AA/2018/0006384 ngày

24/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 1.980.000 đồng (*một triệu, chín trăm tám mươi ngàn*), chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu, chị T đã nộp và chi phí xong.

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Vũ Minh Th không có mặt tại phiên tòa, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Phú Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan